

Phụ lục 4
BÁO CÁO SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ
(Tính đến thời điểm ngày 10 hàng tháng)

STT	Tên đơn vị	Biên chế được giao	Số cán bộ, công chức hiện có	Trong đó				Chia theo ngạch công chức					Trình độ học vấn						Học hàm		Trình độ lý luận chính trị					Tin học			Ngoại ngữ					Tiếng dân tộc		Chia theo độ tuổi						Ghi chú
				Đảng viên	Nữ	Dân tộc thiểu số	Có tôn giáo	Chuyên viên cao cấp và tương đương	Chuyên viên chính và tương đương	Chuyên viên và tương đương	Cán sự và tương đương	Nhân viên	Tiểu sử	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp	Chưa qua đào tạo	Giáo sư	Phó giáo sư	Cử nhân	Cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp	Chưa qua đào tạo	Đại học trở lên	Trung cấp, cao đẳng	Chứng chỉ	Tiếng Anh			Ngoại ngữ khác		Chứng chỉ tiếng dân tộc	Sử dụng giao tiếp được	Từ 30 trở xuống	Từ 31 đến 40	Từ 41 đến 50	Từ 51 đến 60	Trên 60 tuổi	
																														Đại học trở lên	Chứng chỉ theo KNLN NVN	Chứng chỉ khác	Đại học trở lên	Chứng chỉ khác								
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41
	TỔNG CỘNG	43	43	40	18	17	2	0	1	41	2	0	0	2	39	2	0	0	0	0	0	10	19	3	11	1	0	42	1	0	35	0	0	27	12	1	20	20	2	0	0	
1	Lãnh đạo HDND, Ban HDND	3	3	3	0	3	0	0	0	3	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	2	1	0	2	0	0	0	2	0	0	3	0	0	
2	Lãnh đạo UBND	3	3	3	1	1	0	0	1	3	0	0	0	1	2	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	3	0	0	3	0	0	2	1	0	0	3	0	0		
3	Văn phòng HDND và UBND	9	9	8	7	3	0	0	0	9	0	0	0	1	8	0	0	0	0	0	0	2	4	1	2	1	0	9	0	0	9	0	0	6	3	1	5	3	0	0		
4	Phòng Kinh tế	11	11	9	2	1	0	0	0	11	0	0	0	0	11	0	0	0	0	0	0	3	0	8	0	0	11	0	0	11	0	0	9	2	0	4	5	2	0			
5	Phòng Văn hóa - Xã hội	8	8	8	5	3	0	0	0	7	1	0	0	0	7	1	0	0	0	0	0	1	5	1	1	0	0	8	0	0	4	0	0	6	1	0	6	2	0	0		
6	Trung tâm Phục vụ hành chính công	6	6	6	3	3	2	0	0	6	0	0	0	0	6	0	0	0	0	0	0	1	4	1	0	0	0	6	0	0	6	0	0	4	0	0	3	3	0	0		
7	Công chức thuộc Ban HDND (nếu có)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
8	Ban Chỉ huy quân sự	3	3	3	0	3	0	0	0	2	1	0	0	0	2	1	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	3	0	2	1	0	0		

Lưu ý: Cột (2) chỉ tổng hợp số cán bộ, công chức cấp xã hiện có, không tổng hợp người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã bổ trí tạm thời vị trí hỗ trợ công việc theo Công văn số 12/CV-BCĐ ngày 20/6/2025 của Ban Chỉ đạo Chính phủ./.

Phụ lục 5

BÁO CÁO SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ VIÊN CHỨC THUỘC UBND CẤP XÃ (BAO GỒM VIÊN CHỨC GIÁO DỤC)

(Tính đến thời điểm ngày 10 hàng tháng)

Thứ tự	Tên đơn vị	Số lượng được giao	Số lượng viên chức cấp xã có mặt	Trong đó				Lĩnh vực				Chức danh nghề nghiệp				Học hàm		Trình độ đào tạo																										Chia theo tuổi				
				Nữ	Đảng viên	Dân tộc thiểu số	Có tôn giáo	Giáo dục	Khoa học công nghệ	Khoa học xã hội	Văn hóa, thể thao và du lịch	Lĩnh vực khác	Hạng I và tương đương	Hạng II và tương đương	Hạng III và tương đương	Hạng IV và tương đương	Giáo sư	Phó Giáo sư	Chuyên môn								Chính trị				Tin học			Ngoại ngữ				Tiếng dân tộc		Từ 30 trở xuống	Từ 31 đến 40	Từ 41 đến 50	Từ 51 đến 60	Trên 60 tuổi				
																			Tiến sĩ	Chuyên khoa II	Thạc sĩ	Chuyên khoa I	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp	Chưa qua đào tạo	Cử nhân	Cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp	Chưa qua đào tạo	Đại học trở lên	Trung cấp trở lên	Chứng chỉ	Tiếng Anh		Khác	Chứng chỉ tiếng dân tộc						Sử dụng giao tiếp được			
																																				Đại học trở lên	Chứng chỉ KNLNN VN									Chứng chỉ khác	Đại học trở lên	Chứng chỉ
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	41	42	43	44	45	47	48	
	TỔNG CỘNG	193	191	162	95	51	13	189	0	0	0	2	0	60	122	8	0	0	0	0	1	0	174	12	4	0	0	0	0	14	14	163	4	0	178	4	0	168	0	4	123	33	28	76	69	18	0	
1	ĐƠN VỊ CHƯA TỰ CHỦ VỀ TÀI CHÍNH (Đơn vị do ngân sách nhà nước cấp)																																															
1	Trường MN Sao Mai	30	30	30	14	10		30					5	24									26	3	1					4	1	25			30				29			19	12	4	16	9	1	
2	Trường MN Hoa Hồng	38	38	38	20	14	7	38					4	32	2								31	6	1					3		35			36			32			19	14	5	25	6	2		
3	Trường Tiểu học Kim Đồng	31	30	26	13	10	2	30					6	23	1								29		1					1	1	28	1		27	2		23		2	17	7	9	8	9	4		
4	Trường Tiểu học Võ Thị Sáu	41	41	35	19	10	0	39			2		14	25	2								40	1						1	7	33			41			41			35		6	10	18	7		
5	Trường THCS Kpá Klong	21	21	14	12	4	2	21					12	7	2					1			19	1						2	3	16	1		17	2		21			12		3	8	9	1		
6	Trường PTDTBT THCS Đinh Núp	32	31	19	17	3	2	31					19	11	1								29	1	1					3	2	26	2		27			22		2	21		1	9	18	3		

Lưu ý:

- **Cột (1) số lượng được giao**, chỉ tổng hợp đối với đơn vị được cấp có thẩm quyền giao số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước

- **Cột (2)** chỉ tổng hợp số viên chức cấp xã hiện có, không tổng hợp người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã bổ trí tạm thời vị trí hỗ trợ công việc theo Công văn số 12/CV-BCĐ ngày 20/6/2025 của Ban Chỉ đạo Chính phủ./.

Phụ lục 6
DANH SÁCH CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG CẤP XÃ
THUỘC TỈNH QUẢNG NGÃI
(Tính đến thời điểm ngày 10 hàng tháng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quê quán	Chức vụ/chức danh và đơn vị công tác thời điểm 30/6/2025	Ngày vào Đảng	Ngạch, hệ số lương hiện hưởng	ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG						Chức vụ/chức danh; đơn vị/phòng/ban bố trí tại ĐVHC cấp xã hiện nay (thời điểm ngày 10 hàng tháng)	
									Thạc sĩ (ghi rõ ngành học)	Trình độ dưới Thạc sĩ (Ghi rõ tất cả trình độ (TC, CĐ, ĐH) ngành học)	Lý luận chính trị					Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước
											Cử nhân	Cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp		
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9		10	11	12	13	14
I	Cán bộ, công chức cấp xã (HĐND, UBND)															
1	A Quang	06/5/1981	Nam	Xơ Đăng	Đăk Tô - Kon Tum	HUV, Bí thư Đảng ủy xã Đăk Rơ Nga	22/05/2009	CV; 4,32		Đại học Nông học		x			CVC	Phó Chủ tịch HĐND xã
2	A Hrút	07/3/1980	Nam	Xơ Đăng	Tu Mơ Rông, Kon Tum	Phó Bí thư Đảng ủy - Chủ tịch HĐND xã Đăk Rơ Nga	19/7/2002	CV; 3,66		Đại học Nông học		x			CV	Phó Trưởng ban Kinh tế- Ngân sách HĐND xã
3	Lâm Thế Hiển	25/7/1977	Nam	Xơ Đăng	Phù Mỹ, Bình Định	Chủ tịch UBND xã Đăk Rơ Nga	02/8/2013	CV; 3,66		Đại học Ngoại ngữ		x			CV	Phó Trưởng ban Văn hóa-Xã hội HĐND xã
4	Sa Phương	05/12/1980	Nam	Xơ Đăng	Ngọc Hồi - Kon Tum	UVBTV Huyện ủy, Phó Chủ tịch UBND huyện	20/6/2003	CVC; 5,08	Thạc sĩ - Quản lý Kinh tế			x			CVC	Phó Bí Thư Đảng ủy; Chủ tịch UBND xã
5	Phan Văn Tuấn	09/01/1982	Nam	Kinh	Nga Sơn - Thanh Hóa	HUV, Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện	06/08/2008	CV; 4,32		Đại học - Kinh tế phát triển		x			CVC	Phó Chủ tịch UBND xã
6	Lê Thị Thu Thủy	01/4/1982	Nữ	Kinh	Mộ Đức- Quảng Ngãi	Phó Bí Thư Đảng ủy xã Diên Bình	17/04/2009	CV; 4,32		Đại học Quản lý môi trường		x			CVC	Phó Chủ tịch UBND xã
7	Nguyễn Hải Nam	19/04/1976	Nam	Kinh	Kinh Môn - Hải Dương	Phó Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện	19/8/2016	CV; 3,66		Đại học Công nghệ Thông tin - Đại học Luật		x			CVC	Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã
8	Nguyễn Thị Hồng Yên	24/5/1989	Nữ	Kinh	Nông Công - Thanh Hóa	Chuyên viên Văn phòng HĐND và UBND huyện	09-08-2013	CV; 3,66	Thạc sĩ - Quản lý giáo dục			x			CVC	Phó Chánh văn phòng HĐND và UBND xã
9	Nguyễn Thị Thanh Thúy	25/5/1990	Nữ	Kinh	Phù Cát - Bình Định	Chuyên viên Văn phòng HĐND và UBND huyện	12/12/2015	CV; 3,33		Đại học - Luật			x		CV	Chuyên viên Văn phòng HĐND và UBND xã
10	Lê Quyết Thắng	16/10/1984	Nam	Kinh	Phù Cát-Bình Định	Kế toán - Tài chính xã Ngọc Tụ	15/10/2015	CV; 3,33		Đại học Tài chính - Kế toán			x		CV	Chuyên viên Văn phòng HĐND và UBND xã
11	Bế Thị Phụng	15/10/1990	Nữ	Tày	Quảng Hòa, Cao Bằng	Công chức Văn hóa - Xã hội xã Đăk Rơ Nga	18/4/2025	CV; 2.34		Đại học Địa lý môi trường					CV	Chuyên viên Văn phòng HĐND và UBND xã

12	Y Hoa	23/3/1986	Nữ	Xơ Đăng	Đắk Tô, Kon Tum	Công chức Tư pháp - Hộ tịch, xã Đắk Rơ Nga	19/5/2017	CV; 3,33		Đại học Luật			x			Chuyên viên Văn phòng HĐND và UBND xã
13	Y Giảng Mây	26/01/1988	Nữ	Giê Triêng	Đắk Glei-Kon Tum	Công chức Tư pháp - Hộ tịch, xã Ngọc Tu	04/5/2018	CV; 3,33		Đại học Luật				x		Chuyên viên Văn phòng HĐND và UBND xã
14	Tăng Thị Ngọc Hạnh	02/3/1981	Nữ	Kinh	Minh Hải-Bạc Liêu	Chuyên viên phòng Tài chính - Kế hoạch		CV; 3,33		Đại học Kế toán ngân sách					CV	Chuyên viên Văn phòng HĐND và UBND xã
15	Cao Thị Thiên Trang	01/5/1996	Nữ	Kinh	Phù Cát, Bình Định	Kế toán - Tài chính xã Đắk Rơ Nga	10-06-2022	CV; 3,00		Đại học Tài chính - Kế toán			x		CV	Chuyên viên Văn phòng HĐND và UBND xã
16	Phạm Phú Cường	19/7/1990	Nam	Kinh	Phú Ninh-Quảng Nam	Phó Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô Thị huyện	16/01/2017	CV; 3,33		Đại học Kỹ Thuật công trình xây dựng			x		CVC	Trưởng phòng Kinh tế
17	Nguyễn Công Cường	12/02/1984	Nam	Kinh	Vĩnh Tường-Vĩnh Phúc	Chuyên viên phòng Tài chính - Kế hoạch	25/02/2015	CV; 3,99		Đại học Kinh tế xây dựng và QLDA			x		CV	Phó Trưởng phòng Kinh tế
18	Đỗ Tấn Tuyền	24/9/1974	Nam	Kinh	Hoài Nhơn-Bình Định	Phó Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện	07-12-2010	CV; 3,99		Đại học Kinh tế		x			CV	Chuyên viên Phòng Kinh tế
19	Võ Thanh Vương	17/02/1981	Nam	Kinh	Mộ Đức, Quảng Ngãi	Công chức Địa chính - Xây dựng xã Diên Bình	25/8/2017	CV; 3,99		Đại học Kinh tế phát triển				x		Chuyên viên Phòng Kinh tế
20	Tăng Thị Kim Hằng	19/5/1993	Nữ	Kinh	Vĩnh Lợi-Bạc Liêu	Chuyên viên phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô Thị		CV; 2,67		Đại học - Tài chính Ngân hàng					CV	Chuyên viên Phòng Kinh tế
21	Y Ay Ly Tâm	12/3/1989	Nữ	Xơ Đăng	Đắk Tô-Kon Tum	Chuyên viên phòng Dân tộc và Tôn giáo	24/05/2022	CV; 3,66		Đại học Xã hội học			x		CV	Chuyên viên Phòng Kinh tế
22	Đoàn Quốc Tùng	26/9/1981	Nam	Kinh	Gia Định-Hồ Chí Minh	Chuyên viên phòng Nông nghiệp và Môi trường	17/01/2017	CV; 4,32		Đại học lâm sinh				x	CV	Chuyên viên Phòng Kinh tế
23	Nguyễn Đình Thắng	26/11/1982	Nam	Kinh	Hoàng Hóa-Thanh Hóa	Địa chính - Xây dựng xã Tân Cảnh	19/8/2007	CV 3,33		Đại học Quản lý đất đai			x			Chuyên viên Phòng Kinh tế
24	Trần Viết An	04/8/1985	Nam	Kinh	Triệu Phong-Quảng Trị	Chuyên viên phòng Tài chính - Kế hoạch	14/9/2012	CV; 3,00		Kỹ sư công nghệ kỹ Thuật xây dựng					CV	Chuyên viên Phòng Kinh tế
25	Đình Văn Sơn	20/9/1981	Nam	Kinh	Phù Mỹ-Bình Định	Chuyên viên phòng Nông nghiệp và Môi trường		CV; 2,67		Đại học quản lý đất đai					CV	Chuyên viên Phòng Kinh tế
26	Trần Sinh Triễn	22/01/1979	Nam	Kinh	Bình Xuyên-Vĩnh Phúc	Chủ tịch Hội CCB xã Đắk Rơ Nga	19/4/2017	CV; 2,67		Đại học Luật kinh tế			x			Chuyên viên Phòng Kinh tế
27	Nguyễn Nhật Quang	05/10/1984	Nam	Kinh	Nghĩa Hành-Quảng Ngãi	Trưởng phòng Văn hóa, Khoa học và Thông tin huyện	05/3/2012	CV; 3,99		Đại học Văn hóa		x			CVC	Trưởng phòng Văn hóa-Xã hội

28	Nông Thị Tuyết Mai	24/6/1981	Nữ	Tày	Trùng Khánh-Cao Bằng	Ủy viên Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện	16/6/2012	CV; 3,99		Đại học Sư phạm Ngữ văn			x		CV	Phó Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội
29	Mạc Thị Mít	24/01/1989	Nữ	Nùng	Diêm He-Lạng Sơn	Chuyên viên phòng Văn hóa, Khoa học và Thông tin	22/07/2022	CV; 3,33		Đại học Văn hóa			x		CV	Chuyên viên Phòng Văn hóa - Xã hội
30	Nguyễn Thị Như Trang	10/01/1985	Nữ	Kinh	Diêm Châu-Nghệ An	Công chức Văn hóa - Xã hội xã Ngọc Tụ	16/3/2023	CV; 3,33		Đại học Luật				x	CV	Chuyên viên Phòng Văn hóa - Xã hội
31	Võ Công Thành	01/12/1985	Nam	Kinh	Tây Sơn-Bình Định	Công chức Văn hóa - Xã hội xã Ngọc Tụ	09/5/2014	CV; 3,65		Cao đẳng Thể dục Thể Thao			x			Chuyên viên Phòng Văn hóa - Xã hội
32	Hứa Minh Thương	02/8/1991	Nam	Nùng	Văn Quan-Lạng Sơn	Công chức Văn hóa - Xã hội xã Đắc Rơ Nga	14/5/2019	CV; 2,34		Đại học Giáo dục TC - Giáo dục QP			x			Chuyên viên Phòng Văn hóa - Xã hội
33	Ngô Thị Như Ngọc	20/3/1990	Nữ	Kinh	Thạch Thành-Thanh Hóa	Kế toán - Tài chính xã Đắc Rơ Nga	04/01/2015	CS; 3.06		Đại học Luật			x			Chuyên viên Trung tâm phục vụ Hành chính công
34	Nguyễn Thị Ly	01/05/1993	Nữ	Kinh	Quế Sơn - Quảng Nam	Chuyên viên phòng Tư pháp	29/9/2020	CV; 3,00		Đại học Luật					CV	Chuyên viên Phòng Văn hóa - Xã hội
35	Phạm Ngọc Thuận	16/5/1978	Nam	Kinh	An Lão, Bình Định	Phó bí Thư Đảng ủy - Chủ tịch UBND xã Ngọc Tụ	22/4/2004	CV; 3.99		Đại học Kinh tế phát triển		x				Phó giám đốc Trung tâm phục vụ Hành chính công
36	Lưu Thị Bích Hậu	19/7/1983	Nữ	Xơ Đăng	Hội An - Quảng Nam	Chuyên viên Phòng Nông nghiệp và Môi trường	21/05/2010	CV; 3,99		Đại học quản lý đất đai			x		CV	Chuyên viên Trung tâm phục vụ Hành chính công
37	Thái Hoàng Hà	24/8/1980	Nam	Kinh	Hung Nguyên, Nghệ An	Công chức Văn phòng - Thống kê xã Ngọc Tụ	06/8/2014	CV 3,33		Đại học Tài chính kế toán					CV	Chuyên viên Trung tâm phục vụ Hành chính công
38	Y Nghiệp	24/12/1987	Nữ	Xơ Đăng	Đắk Tô, Kon Tum	Công chức Tư pháp - Hộ tịch, xã Ngọc Tụ	05/4/2018	CV; 3,00		Đại học Luật				x		Chuyên viên Trung tâm phục vụ Hành chính công
39	Nguyễn Thị Huyền Trang	05/6/1986	Nữ	Kinh	Sơn Tịnh, Quảng Ngãi	Công chức Văn hóa - Xã hội Thị trấn Đắk Tô	30/12/2014	CV; 3,33		Đại học Quản lý nhà nước			x			Chuyên viên Trung tâm phục vụ Hành chính công
40	A Sêu	10/6/1983	Nam	Rơ Ngao	Đắk Tô, Kon Tum	Công chức Văn phòng - Thống kê xã Pô Kô	01/6/2023	CV; 3,66		Đại học Luật				x		Chuyên viên Phòng Văn hóa - Xã hội
II	Công chức Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã															
1	Lê Văn Lâm	21/04/1993	Nam	Nùng	Văn Quan-Lạng Sơn	Chỉ huy trưởng Ban CHQS xã Ngọc Tụ	26/3/2016	CV; 3.00		Đại học quân sự cơ sở			x		CV	Chỉ huy trưởng Ban CHQS xã Ngọc Tụ
2	A Ngọc Cường	15/10/1978	Nam	Giê	Đắk Glei-Kon Tum	Chỉ huy trưởng Ban CHQS xã Tân Cảnh	16-09-2002	CV; 3,66		Trung cấp QSCS Đại học luật			x			Phó Chỉ huy trưởng Ban CHQS xã Ngọc Tụ

3	A Quang	12/12/1985	Nam	Giê	Đăk Glei-Kon Tum	Chủ tịch CCB kiêm Phó Chỉ huy trưởng Ban CHQS xã Tân Cảnh	26-04-2007	CS;2.10		Cao đẳng QSCS			x			Trợ lý Ban CHQS xã Ngọc Tụ
---	---------	------------	-----	-----	------------------	---	------------	---------	--	---------------	--	--	---	--	--	----------------------------

**Ghi
chú**

15

[illegible]

[illegible]

[illegible]



Phụ lục 7

DANH SÁCH CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC THUỘC SỞ, BAN, NGÀNH, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CẤP TỈNH BIỆT PHÁI,
TẦNG CƯỜNG HỖ TRỢ VỀ CẤP XÃ
(Tính đến thời điểm ngày 10 hàng tháng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quê quán	Ngày vào Đảng	Ngạch, hệ số lương hiện hưởng	ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG						Chức vụ/chức danh thuộc Sở, ban, ngành	Công chức/viên chức hỗ trợ lĩnh vực thuộc phòng, ban, đơn vị thuộc UBND cấp xã	Thời gian biệt phái, tăng cường	Ghi chú	
								Thạc sĩ (ghi rõ ngành học)	Trình độ dưới Thạc sĩ (Ghi rõ tất cả trình độ (TC, CĐ, ĐH) ngành học)	Lý luận chính trị								Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước
										Cử nhân	Cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp					
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	Lê Tiến Dũng	04/12/1978	Nam	Kinh	Can Lộc, Hà Tĩnh	21/9/2011	CV; 4,32		ĐH Kinh tế			X		CV	Thanh tra viên - phòng nghiệp vụ 3 - Thanh tra tỉnh Quảng Ngãi	Hỗ trợ lĩnh vực kinh tế thuộc Văn phòng HĐND và UBND xã Ngọc Tú	6 tháng	

Phụ lục 8
BÁO CÁO CÔNG TÁC LƯU TRỮ, SỐ HÓA HỒ SƠ, TÀI LIỆU
(Tính đến thời điểm ngày 10 hàng tháng)

1. Khối lượng hồ sơ, tài liệu đã số hóa

STT	Tên cơ quan, tổ chức	Thời gian tài liệu số hóa (từ năm ... đến năm ...)	Tổng số mét tài liệu đã số hóa		Tổng số hồ sơ số hóa		Tổng số bản số hóa				Quy ra dung lượng (MB)		Ghi chú
							File		Trang A4				
			Số liệu trong kỳ báo cáo hàng tháng (từ ngày .../.../... đến ngày .../.../...)	Số liệu lũy kế đến thời điểm báo cáo (số liệu có từ trước đến nay)	Số liệu trong kỳ báo cáo hàng tháng (từ ngày .../.../... đến ngày .../.../...)	Số liệu lũy kế đến thời điểm báo cáo (số liệu có từ trước đến nay)	Số liệu trong kỳ báo cáo hàng tháng (từ ngày .../.../... đến ngày .../.../...)	Số liệu lũy kế đến thời điểm báo cáo (số liệu có từ trước đến nay)	Số liệu trong kỳ báo cáo hàng tháng (từ ngày .../.../... đến ngày .../.../...)	Số liệu lũy kế đến thời điểm báo cáo (số liệu có từ trước đến nay)	Số liệu trong kỳ báo cáo hàng tháng (từ ngày .../.../... đến ngày .../.../...)	Số liệu lũy kế đến thời điểm báo cáo (số liệu có từ trước đến nay)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
c) UBND xã, phường, đặc khu													
1	Xã Ngọc Tú	0											

2. Điều kiện lưu trữ tài liệu, hồ sơ của cấp xã

- Việc bố trí phòng/kho lưu trữ: Chưa có kho lưu trữ
- Diện tích phòng/kho lưu trữ: Chưa có kho lưu trữ

3. Khả năng bảo đảm an toàn trong việc bàn giao tài liệu và cơ sở dữ liệu sau sắp xếp của cơ quan, tổ chức

- Đã sẵn sàng/chưa sẵn sàng: Chưa sẵn sàng
- Những tồn tại, hạn chế: Chưa có kho lưu trữ nên khó khăn trong công tác lưu trữ tài liệu
- Đề xuất, kiến nghị: Đề nghị các cấp, các ngành quan tâm, bố trí kinh phí để đầu tư xây dựng phòng, kho lưu trữ tài liệu, hồ sơ

